

Số: *36* /2017/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2017

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân,

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2018. Thông tư này thay thế Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBVHGDTNTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hữu Độ

QUY CHẾ

Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36 /2017/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học (sau đây gọi là cơ sở giáo dục chuyên biệt), cơ sở giáo dục thường xuyên, trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi chung là các cơ sở giáo dục và đào tạo).

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục và đào tạo trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục và đào tạo phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại các cơ sở giáo dục và đào tạo và trên các trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế này phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Điều 4. Công khai đối với cơ sở giáo dục mầm non

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Đối với các cơ sở giáo dục công lập: công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các

doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập: công khai tình hình hoạt động tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao môi trường. Công khai mức thu học phí, các khoản thu khác theo từng năm, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cơ sở giáo dục, các khoản thu từ viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 5. Công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên biệt

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (các trường tiểu học thực hiện theo Biểu mẫu 05, các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và cơ sở giáo dục chuyên biệt thực hiện theo Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh được đánh giá định kỳ cuối năm học về từng năng lực, phẩm chất, kết quả học tập, tổng hợp kết quả cuối năm đối với trường tiểu học (Biểu mẫu 06); số học

sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào đại học, cao đẳng, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và cơ sở giáo dục chuyên biệt (Theo Biểu mẫu 10).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định. (các trường tiểu học thực hiện theo Biểu mẫu 07; các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và cơ sở giáo dục chuyên biệt thực hiện theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (các trường tiểu học thực hiện theo Biểu mẫu 08, các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và cơ sở giáo dục chuyên biệt thực hiện theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế này.

b) Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

Điều 6. Công khai đối với cơ sở giáo dục thường xuyên

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh; chương trình giáo dục mà cơ sở thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học viên; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục; kết quả hạnh kiểm, học tập, sức khỏe

của học viên dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học viên (Theo Biểu mẫu 13).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: học viên xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, kết quả học tập cuối năm, dự xét hoặc thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ đại học, cao đẳng; học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác chia theo các khối lớp; kết quả đào tạo liên kết trình độ cao đẳng sư phạm, đại học hình thức vừa làm vừa học, từ xa có phân biệt theo kết quả tốt nghiệp, số học viên có việc làm sau 1 năm ra trường; kết quả bồi dưỡng, đào tạo của các chương trình khác có phân biệt theo số người tham gia, thời gian, chứng chỉ đã cấp (Theo Biểu mẫu 14).

c) Các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: nội dung tóm tắt và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá học viên.

d) Giáo trình, tài liệu mà cơ sở tổ chức biên soạn: công khai tên giáo trình, tài liệu, năm xuất bản và kế hoạch biên soạn của các chuyên ngành.

đ) Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo nhiệm vụ được nhà nước giao; nhu cầu của địa phương và doanh nghiệp: công khai đơn vị liên kết, số lượng đào tạo, thời gian đào tạo, ngành nghề, trình độ đào tạo và kết quả đào tạo.

e) Kiểm định cơ sở giáo dục thường xuyên: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: số lượng và diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học viên; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định, tính bình quân trên một lớp (Theo Biểu mẫu 15).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 16).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 3 Điều 4 của Quy chế này.

b) Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và cả khóa học.

c) Các nguồn thu ngoài học phí: các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

d) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

Điều 7. Công khai đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở đào tạo; mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được theo từng mã ngành đào tạo cấp IV; các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của người học, chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ đào tạo và theo các chuyên ngành đào tạo cấp IV (Theo Biểu mẫu 17).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: gồm công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại và công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường. Đối với công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại cần công khai quy mô nghiên cứu sinh, thạc sĩ và sinh viên ở các trình độ đào tạo, hình thức đào tạo phân theo khối ngành đào tạo. Đối với tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm ra trường: Số sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường gồm số sinh viên tốt nghiệp có việc làm và số sinh viên tốt nghiệp đang học nâng cao (Theo Biểu mẫu 18).

c) Chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo.

d) Các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: công khai về giảng viên giảng dạy và giảng viên hướng dẫn (nếu có), mục đích môn học, nội dung và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá sinh viên.

đ) Giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn: công khai tên các giáo trình (kể cả giáo trình điện tử), tài liệu tham khảo, năm xuất bản, kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo của các chuyên ngành.

e) Đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp của các sinh viên trình độ đại học, học viên trình độ thạc sĩ và nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ: công khai tên đề tài, họ và tên người thực hiện và người hướng dẫn, nội dung tóm tắt.

g) Đối với cơ sở giáo dục đại học tự chủ in phôi văn bằng, chứng chỉ, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học: công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng, chứng chỉ cho người học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học.

h) Hoạt động đào tạo theo nhiệm vụ được giao, đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp (nếu có): các đơn vị đào tạo, số lượng, thời gian, ngành nghề, trình độ và kết quả đào tạo.

i) Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn: tên các dự án hoặc tên nhiệm vụ khoa học công nghệ, người chủ

trì và các thành viên tham gia, đối tác trong nước và quốc tế, thời gian và kinh phí thực hiện, tóm tắt sản phẩm của dự án hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn.

k) Hoạt động liên kết đào tạo trong nước và với nước ngoài: Công khai thông tin và các điều kiện đảm bảo chất lượng của đơn vị liên kết, quy mô, trình độ đào tạo tại đơn vị liên kết, hình thức liên kết.

l) Hội nghị, hội thảo khoa học trong cơ sở giáo dục tổ chức: tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học, thời gian và địa điểm tổ chức, số lượng đại biểu tham dự.

m) Kiểm định cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo: công khai kết quả đánh giá ngoài, nghị quyết và kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả công nhận đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

2.1. Công khai thông tin về cơ sở vật chất: Tổng diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng; các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu; học liệu của thư viện và trung tâm học liệu; diện tích đất/sinh viên, diện tích sàn/sinh viên (Theo biểu mẫu 19).

2.2. Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng xếp theo các khối ngành và môn chung có phân biệt theo chức danh, trình độ đào tạo và hạng chức danh nghề nghiệp, danh sách chi tiết giảng viên cơ hữu theo khối ngành, tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi theo từng khối ngành (Theo Biểu mẫu 20).

Sơ lược lý lịch của giảng viên: họ và tên (kèm theo ảnh), tuổi đời, thâm niên giảng dạy, chức danh, trình độ chuyên môn, công trình khoa học, kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, các bài báo đăng tải trong nước và quốc tế; thông tin về họ và tên học viên, nghiên cứu sinh mà giảng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tóm tắt đề tài nghiên cứu, thời gian thực hiện.

Số lượng giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 3, Điều 4 của Quy chế này.

b) Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và dự kiến cả khóa học (Theo Biểu mẫu 21).

c) Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

d) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

Điều 8. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Quy chế này:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b) Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 6 và điểm b khoản 4 Điều 7 của Quy chế này, ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại điểm a và b khoản 1 của Điều này, cơ sở giáo dục và đào tạo còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ trẻ, học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ trẻ, học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh trước khi cơ sở giáo dục tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đối với trẻ em mới tiếp nhận hoặc trước khi cơ sở giáo dục và đào tạo tuyển sinh đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tuyển mới.

b) Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ trẻ, học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ trẻ, học sinh, sinh viên, học viên cao học nghiên cứu sinh vào đầu năm học mới đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hoặc học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tại cơ sở giáo dục và đào tạo.

3. Các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1 Điều này còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Có các tài liệu in đầy đủ tại các khoa, bộ môn, trung tâm, đơn vị trực thuộc cơ sở đào tạo về các nội dung liên quan đến chức năng hoạt động, nhiệm vụ của đơn vị, sẵn sàng phục vụ nhu cầu nghiên cứu của sinh viên, giảng viên và những người quan tâm. Các tài liệu được cập nhật thường xuyên, sẵn sàng phục vụ trong thời gian các khoa, bộ môn, trung tâm và đơn vị làm việc.

b) Đối với nội dung quy định tại điểm a, điểm c, khoản 1, Điều 7 của Quy chế này được cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo chậm nhất là tháng 4 hằng năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục và đào tạo

1. Các cơ sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và cơ quan chủ quản (nếu có) trước 30 tháng 9 hằng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của cơ sở giáo dục và đào tạo.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục và đào tạo.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo.

Điều 10. Trách nhiệm của các phòng giáo dục và đào tạo, các sở giáo dục và đào tạo và Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Phòng giáo dục và đào tạo:

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc và các cơ sở giáo dục do UBND cấp huyện quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập thực hiện quy chế công khai theo quy định tại Quy chế này.

b) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục trực thuộc; chủ trì phối hợp với cơ quan chủ quản (nếu có) tổ chức kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục do UBND cấp huyện quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập. Việc kiểm tra có sự tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh của cơ sở giáo dục.

c) Thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra cho cơ sở giáo dục. Thời điểm thông báo không quá 30 ngày sau khi thực hiện kiểm tra.

d) Tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra của các cơ sở giáo dục thuộc trách nhiệm chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra; gửi báo cáo về sở giáo dục và đào tạo trước 31 tháng 10 hằng năm.

2. Sở giáo dục và đào tạo:

a) Chỉ đạo các phòng giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục trực thuộc và các cơ sở giáo dục do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập thực hiện quy chế công khai theo quy định tại Quy chế này.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục trực thuộc; chủ trì phối hợp với cơ quan chủ quản (nếu có) tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập. Việc thanh tra, kiểm tra có sự tham gia của đại diện Ban đại diện cha mẹ học sinh hoặc đại diện Hội sinh viên của cơ sở giáo dục và đào tạo.

c) Thông báo bằng văn bản kết quả thanh tra, kiểm tra cho cơ sở giáo dục và đào tạo. Thời điểm thông báo không quá 30 ngày sau khi thực hiện kiểm tra.

d) Tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ sở giáo dục thuộc trách nhiệm chỉ đạo, chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ sở giáo dục do phòng giáo dục và đào tạo tổng hợp; công bố trên trang thông tin điện tử của sở giáo dục và đào tạo và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước 30 tháng 11 hằng năm.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Chỉ đạo các sở giáo dục và đào tạo, trường dự bị đại học, các trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học thực hiện quy chế công khai theo quy định tại Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ quản (nếu có) tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công khai của các sở giáo dục và đào tạo, trường dự bị đại học, các trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

c) Thông báo bằng văn bản kết quả thanh tra, kiểm tra cho cơ sở giáo dục và đào tạo. Thời điểm thông báo không quá 30 ngày sau khi thực hiện thanh tra, kiểm tra.

d) Tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai đối với các trường dự bị đại học, trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học và kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ sở giáo dục do sở giáo dục và đào tạo tổng hợp; công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 01: Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học.....

Biểu mẫu 02: Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học.....

Biểu mẫu 03: Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học....

Biểu mẫu 04: Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học....

Biểu mẫu 05: Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học.....

Biểu mẫu 06: Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học

Biểu mẫu 07: Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học

Biểu mẫu 08: Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học

Biểu mẫu 09: Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học.....

Biểu mẫu 10: Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học

Biểu mẫu 11: Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học

Biểu mẫu 12: Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học....

Biểu mẫu 13: Công khai cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học....

Biểu mẫu 14: Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học...

Biểu mẫu 15: Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học

Biểu mẫu 16: Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học

Biểu mẫu 17: Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học...

Biểu mẫu 18: Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học...

Biểu mẫu 19: Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học

Biểu mẫu 20: Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học

Biểu mẫu 21: Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học

Số : 551 /SGDDĐT-TTr

Hải Phòng, ngày 17 tháng 3 năm 2022

V/v Hướng dẫn thực hiện công khai
đối với cơ sở giáo dục

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện;
- Trường Trung học phổ thông;
- Trường phổ thông nhiều cấp (có cấp THPT);
- Trung tâm GDNN - GDTX quận, huyện;
- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hải Phòng.

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Thông tư 36).

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1562/QĐ-KTNN ngày 08/9/2016 của Tổng Kiểm toán nhà nước về Ban hành Quy định về công khai kết quả kiểm toán, kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư 36. Thời gian thực hiện từ tháng 6/2022.

I. NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non

- Nội dung thực hiện công khai theo Điều 4 Thông tư 36.
- Biểu mẫu thực hiện công khai theo Phụ lục 1, Phụ lục 5 và Phụ lục 6.

2. Đối với các trường tiểu học, THCS, THPT

- Nội dung thực hiện công khai theo Điều 5 Thông tư 36.
- Biểu mẫu thực hiện công khai:
 - + Trường tiểu học thực hiện theo Phụ lục 2, Phụ lục 5 và Phụ lục 6.
 - + Trường THCS, THPT thực hiện theo Phụ lục 3, Phụ lục 5 và Phụ lục 6.

3. Đối với trường phổ thông nhiều cấp

Căn cứ tình hình thực tế các cấp học được triển khai tại cơ sở giáo dục để thực hiện công khai theo các yêu cầu được quy định tại Điều 5 Thông tư 36. Biểu mẫu thực hiện công khai theo Phụ lục 2, 3, 5, 6. Đối với nội dung theo các biểu mẫu, các đơn vị có thể tích hợp các biểu mẫu cùng nội dung trong Phụ lục 2 và Phụ lục 3 nhưng không được cắt bỏ nội dung yêu cầu công khai, cụ thể:

- Tích hợp Biểu mẫu 2.1 và Biểu mẫu 3.1.
- Tích hợp Biểu mẫu 2.2 và Biểu mẫu 3.2.
- Tích hợp Biểu mẫu 2.3 và Biểu mẫu 3.3.
- Tích hợp Biểu mẫu 2.4 và Biểu mẫu 3.4.

4. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên

- Nội dung thực hiện công khai theo Điều 6 Thông tư 36.
- Biểu mẫu thực hiện công khai theo Phụ lục 4 và Phụ lục 6.
- Riêng đối với trung tâm GDNN-GDTX quận, huyện: Thực hiện công khai các nội dung theo quy định tại văn bản của các cấp có thẩm quyền. Trong nội dung công khai phải đáp ứng đủ yêu cầu tại Điều 6 Thông tư 36.

II. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Đối với những nội dung quy định tại phần I của văn bản này:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b) Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 5 và điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư 36, ngoài việc thực hiện theo quy định tại mục 1, phần II của văn bản này, cơ sở giáo dục còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ trẻ, học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi cơ sở giáo dục tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đối với trẻ em mới tiếp nhận hoặc trước khi cơ sở giáo dục tuyển sinh đối với học sinh, học viên tuyển mới.

b) Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hoặc học sinh, học viên đang học tại cơ sở giáo dục.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với trường THPT, Trường phổ thông nhiều cấp (có cấp THPT), Trung tâm GDNN-GDTX quận, huyện, Trung tâm GDTX Hải Phòng

Tổ chức thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 36 và hướng dẫn này, trong đó chú ý:

1.1. Đối với việc công khai trên trang thông tin điện tử:

- Xây dựng chuyên mục riêng trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục để quản lý nội dung công khai theo Thông tư 36. Khuyến khích cơ sở giáo dục xây dựng chuyên mục riêng để đăng tải nội dung công tác công khai, minh bạch theo quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng nói chung và các văn bản quy định về công khai trong lĩnh vực giáo dục nói riêng;

- Cập nhật các nội dung công khai theo quy định trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đảm bảo đầy đủ, kịp thời, dễ tìm kiếm, chú ý về định dạng, phong chữ;

- Nội dung công khai trên trang thông tin điện tử phải được để ở chế độ hiển thị liên tục, không được gỡ bỏ hoặc để ở chế độ ẩn;

- Cung cấp cho Sở GDĐT địa chỉ liên kết đến chuyên mục về thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục trước 30/5/2022 và khi có sự thay đổi về địa chỉ liên kết nói trên.

1.2. Đối với việc công khai dưới hình thức niêm yết:

- Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục đảm bảo chính xác, đủ nội dung, đúng thời gian quy định, liên tục trong suốt thời gian công khai; vị trí công khai phải phù hợp để cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh thuận tiện xem xét, biết,

- Lưu giữ các biểu mẫu công khai và minh chứng việc niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra khi cần thiết (Ví dụ: Thiết lập biên bản, hình ảnh...).

1.3. Đối với việc công khai dưới hình thức phổ biến trong cuộc họp hoặc phát tài liệu trước khi tổ chức cuộc họp cha mẹ học sinh:

Lưu giữ các biểu mẫu công khai và minh chứng việc phổ biến công khai trong cuộc họp để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra khi cần thiết (Ví dụ: Thiết lập biên bản việc phổ biến công khai trong cuộc họp hoặc nội dung công khai được thể hiện trong biên bản cuộc họp...).

1.4. Công tác tổng kết, đánh giá và chế độ báo cáo:

- Cuối mỗi năm học, cơ sở giáo dục thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý;
- Gửi báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho Sở GDĐT (qua thanh tra Sở) trước 30 tháng 9 hằng năm.

2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

2.1. Căn cứ Thông tư 36 và Hướng dẫn này để chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện quy chế công khai theo quy định. Chú ý hướng dẫn về thời điểm, thời gian công khai đối với mỗi hình thức công khai.

2.2. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý. Việc kiểm tra có sự tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh của cơ sở giáo dục. Không quá 30 ngày sau khi thực hiện kiểm tra, Phòng GDĐT có thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra cho cơ sở giáo dục.

2.3. Tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý; gửi báo cáo về Sở GDĐT (qua thanh tra Sở) trước 31 tháng 10 hằng năm.

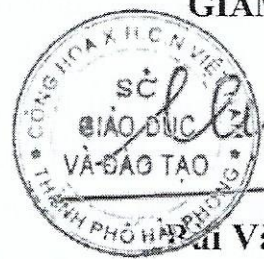
Trên đây là hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư 36. Đối với những nội dung công khai không được quy định tại Thông tư 36, các cơ sở giáo dục thực hiện theo các văn bản quy định của pháp luật.

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện nội dung công văn nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở GDĐT (qua Thanh tra Sở) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Chánh Thanh tra;
- Chánh Văn phòng;
- Trưởng phòng cơ quan Sở;
- Lưu: VT, TTr.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Kiệm

Số: 58 /QĐ-THLK

Lưu Kiếm, ngày 5 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong trường học
Năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯU KIỂM

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện hướng dẫn số 551/SGDDĐT-TTr ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của Sở Giáo dục và đào tạo Hải Phòng;

Căn cứ năng lực công tác của cán bộ, viên chức,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong trường Tiểu học Lưu Kiếm năm học 2023-2024 gồm các Ông (bà) (Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong trường học có trách nhiệm xây dựng Quy chế công khai trong nhà trường, kế hoạch triển khai thực hiện và tổ chức thực hiện đúng với những nội dung được quy định theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục; hướng dẫn 551/SGDDĐT-TTr ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

Điều 3. Các bộ phận công tác có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 ;

- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Mai Dung



DANH SÁCH

Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai năm học 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số: 58/QĐ-THLK ngày 5 tháng 9 năm 2023
của trường Tiểu học Lưu Kiếm)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1.	Nguyễn Thị Mai Dung	Hiệu trưởng	Trưởng Ban chỉ đạo
2.	Phạm Thị Hồng Nhung	CTCD	Phó ban thường trực
3.	Phạm Thị Xuân Vịnh	Phó hiệu trưởng	Thư kí
4.	Đỗ Văn Khoa	Phó hiệu trưởng	Thành viên
5.	Hoàng Thị Phương Ánh	Phó hiệu trưởng	Thành viên
6.	Cù Thị Yến	Trưởng Ban TTND	Thành viên
7.	Nguyễn Thị Mỹ	Tổ trưởng CM 1	Thành viên
8.	Trần Thị Thúy Hòa	Tổ trưởng CM 2,3	Thành viên
9.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tổ trưởng CM 4,5	Thành viên
10.	Phạm Thị Thu Trang	Kế toán	Thành viên
11.	Bùi Văn Sơn	Tổng Phụ trách	Thành viên

(Danh sách trên ấn định gồm 11 người)

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thực hiện công khai của trường Tiểu học Lưu Kiếm Năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯU KIỂM

Căn cứ vào Thông tư số 41/ 2010/ TT- BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân;

Thực hiện hướng dẫn số 551/SGDĐT-TTr ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của Sở Giáo dục và đào tạo Hải Phòng;

Theo đề nghị của Hội đồng liên tịch nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện công khai của trường Tiểu học Lưu Kiếm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các tổ chức đoàn thể, cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Mai Dung

QUY CHẾ

Thực hiện công khai của trường Tiểu học Lưu Kiếm

*(Ban hành theo Quyết định số 59/QĐ-THLK ngày 06 tháng 9 năm 2023 của
của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Lưu Kiếm)*

CHƯƠNG I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định về thực hiện công khai của trường Tiểu học Lưu Kiếm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) và phụ huynh trường Tiểu học Lưu Kiếm thực hiện nghiêm túc sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của trường Tiểu học Lưu Kiếm về chất lượng giáo dục, công khai về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu chi tài chính để phụ huynh, CBGVNV của trường tham gia giám sát và đánh giá trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này

2. Thông tin được công khai tại trường Tiểu học Lưu Kiếm trong Quy chế này phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

CHƯƠNG II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG

Điều 4: Nội dung công khai



1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (thực hiện theo Biểu mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh được đánh giá định kỳ cuối năm học về từng năng lực, phẩm chất, kết quả học tập, tổng hợp kết quả cuối năm đối với trường tiểu học (Biểu mẫu 06).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (thực hiện theo Biểu mẫu 07)

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (thực hiện theo Biểu mẫu 08)

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế này.

b) Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c) Chính sách học bổng (nếu có) và kết quả thực hiện trong từng năm học.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a) Công khai trên thông tin điện tử và công khai trong các cuộc họp tháng của CBGVNV nhà trường đảm bảo tính đầy đủ chính xác và cập nhật thường xuyên khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

b) Niêm yết công khai tại trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có nội dung liên quan cần công khai đảm bảo tính cập nhật, kịp thời.

c) Bất cứ lúc nào trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Quy chế này thực hiện công khai như sau:

a) Đối với trẻ mới tiếp nhận: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi trường tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

b) Đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tại trường : phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

CHƯƠNG III.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6: Trách nhiệm của Hiệu Trưởng

1. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra trước 30 tháng 9 hàng năm.



3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai, các tổ chuyên môn và nhân viên trong nhà trường

- Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ như đã được phân công trong Quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai của Trường Tiểu học Lưu Kiếm.

- Các tổ chuyên môn và toàn thể CBGVNV trong nhà trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì đề nghị Ban chỉ đạo xem xét sửa đổi. Quy chế sửa đổi có hiệu lực thi hành khi có quyết định thay thế./.

Nơi nhận:

- CBGV,NV

- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Mai Dung

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường theo Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT Năm học 2023 -2024

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Hướng dẫn số 551/SGDĐT-TTr ngày 17/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v Hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục;

Trường tiểu học Lưu Kiếm xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quy chế công khai của nhà trường theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT trong năm học 2023 - 2024 như sau :

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện công khai trong nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục để xã hội, nhân dân, cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ chính xác các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định.

II. NỘI DUNG

1. Các nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 1 và của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*Biểu mẫu 05 của Thông tư 36/2017*).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: Số học sinh xếp loại theo từng năng lực, phẩm chất, tổng hợp kết quả cuối năm học; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoàn thành chương trình tiểu học, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học (*Biểu mẫu 06 của Thông tư 36/2017*).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng, duy trì trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (nếu có ở cấp độ nào).

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

a) Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (*Biểu mẫu 07 Thông tư 36/2017*).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (*Biểu mẫu 08 Thông tư 36/2017*). Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và những năm tiếp theo.

1.3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế công khai tài chính

đối với đơn vị được cấp ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 61/2017/TT-BGDĐT ngày 15/6/2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 29/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

a) Các khoản thu (hỗ trợ) của phụ huynh học sinh, các nhà hảo tâm trong năm học 2023-2024 (nếu có) và dự kiến cho năm học 2024-2025.

b) Ngân sách nhà nước cấp (theo phân bổ dự toán UBND huyện cấp).

Các khoản chi trong năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội theo quy định.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo quy định (Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế công khai tài chính đối với đơn vị được cấp ngân sách nhà nước. Thông tư số 61/2017/TT-BGDĐT ngày 15/6/2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 29/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

2. Về hình thức và thời điểm công khai

- Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng (Website của nhà trường), các cuộc họp phụ huynh của Nhà trường.

- Công khai trong các cuộc họp của cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường vào đầu năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật thường xuyên khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Niêm yết (có biên bản) công khai tại bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố (từ ngày 01 tháng 6 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm), cập nhật đầu năm học (từ ngày 15 tháng 9 đến 15 tháng 10 năm đó) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.



- Đối với nội dung các khoản thu từ phụ huynh học sinh trong năm học 2023-2024 và dự kiến cho năm học tiếp theo, phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh và niêm yết trên bảng tin của nhà trường đầu năm học 2023-2024.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập ban chỉ đạo

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai cấp trường gồm các thành viên sau: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Tổ trưởng chuyên môn, kế toán, thư ký.

2. Tổ chức thực hiện

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, Thông tư số 61/2017/TT-BGDĐT ngày 15/6/2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 29/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Thông qua Hội nghị CC, VC đầu năm học:

+ GV đăng ký chất lượng môn dạy, chất lượng lớp chủ nhiệm và danh hiệu thi đua cá nhân.

+ Tổ chuyên môn đăng ký chất lượng hoạt động của tổ và số lượng HS đạt giải trong các hội thi, kế hoạch bồi dưỡng GV, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ.

+ Công đoàn, Liên đội phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ GV và HS.

- Tổng hợp kết quả học tập của HS vào cuối học kỳ và cuối năm học có so sánh đánh giá phân tích kết quả so với những năm học trước để thực hiện công khai.

- Thực hiện đánh giá phân loại GV hàng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

- Báo cáo về Phòng GD&ĐT theo Thông tư 36/2017 (*xong trước 30/9 hàng năm*)

3. Phân công nhiệm vụ các thành viên ban chỉ đạo

- Hiệu trưởng: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai đội ngũ, cán bộ quản lý, tài chính, tài sản, thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, động viên, giám sát, đôn đốc

các hoạt động công khai của đơn vị. Xây dựng kế hoạch, báo cáo, giải trình trước các cơ quan có thẩm quyền.

- Phó hiệu trưởng: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, của đơn vị. Phối hợp cùng với Hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

- Chủ tịch công đoàn: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai về cơ sở vật chất và cùng với Hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

- Tổ trưởng CM: Thực hiện thông kê kết quả giảng dạy và giáo dục của cá nhân, tổ, kết quả tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, tự đánh giá phân loại giáo viên trong tổ hàng năm để thực hiện công khai theo quy định.

- Bộ phận tài vụ: Quyết toán thu, chi theo quy định, lưu giữ chứng từ tài chính khoa học để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi được yêu cầu.

Trên đây là kế hoạch thực hiện quy chế công khai của trường Tiểu học Lưu Kiếm năm học 2023-2024, yêu cầu các thành viên trong nhà trường triển khai, tổ chức, thực hiện nghiêm túc đúng quy định. Trong quá trình tổ chức có khó khăn vướng mắc báo cáo Hiệu trưởng xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Thủy Nguyên (để báo cáo);
- CBGV,NV của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
LƯU KIẾM
ỦY BAN NHÂN DÂN H. THỦY NGUYÊN
PHÒNG
Nguyễn Thị Mai Dung

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
LƯU KIẾM

Biểu mẫu 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯU KIỂM

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học

Năm học: 2023 - 2024

(Kèm theo KH GD số: 32/KH-THLK, ngày 31 tháng 8 năm 2023)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp	
		Lớp 1	Lớp 2;3;4;5
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh hoàn thành chương trình MN. Có đầy đủ giấy khai sinh; hộ khẩu hợp lệ, GCN hoàn thành chương trình MN.	Học sinh cuối năm HT các môn học và Đạt về NL; PC.Có đầy đủ học bạ, GKS hợp lệ.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình 35 tuần theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình nhà trường. - Đảm bảo dạy đủ các môn học theo quy định.	
III	- Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. - Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường tổ chức giảng dạy và giáo dục học sinh theo qui định của Bộ GD & ĐT. - Gia đình quản lý việc học và làm bài ở nhà của học sinh; thường xuyên kết hợp chặt chẽ với nhà trường. - Học sinh chuẩn bị và làm bài đầy đủ, chủ động tích cực trong học tập.	
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua học tốt. - Tổ chức các phong trào giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật và phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bệnh tật.	
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Không có học sinh vi phạm pháp luật. - KTKN đạt 99,5% trở lên. - Học sinh lên lớp thẳng 99,5% - Học sinh HTCTTH 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập.	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh có khả năng tiếp thu học tập ở cấp học cao hơn. - 100% học sinh HTCTTH.	

Lưu Kiểm, ngày 15 tháng 9 năm 2023



PHỤ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)
TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯU KIỂM
HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Mai Dung

Biểu mẫu 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯU KIỂM

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học đầu năm
Năm học: 2023- 2024**

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	40	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	32	1.3 m ² /hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	8	
III	Số điểm trường	4	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	15 370	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	6450	4.3 m ² /hs
VI	Tổng diện tích các phòng	3368	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1920	
2	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	24	
3	Diện tích thư viện (m ²)	48	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng Tin (m ²)	96	
6	Diện tích phòng Đội(m ²)	24	
7	Diện tích phòng Y tế (m ²)	24	
8	Diện tích phòng Lưu trữ (m ²)	24	
9	Diện tích phòng BGH (m ²)	96	
10	Diện tích phòng nghỉ Giáo viên (m ²)	0	
11	Diện tích phòng Bảo vệ (m ²)	30	
12	Diện tích nhà vệ sinh	432	
13	Diện tích nhà xe	650	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 1	8	1
2	Khối lớp 2	8	1
3	Khối lớp 3	7	1
4	Khối lớp 4	9	1
5	Khối lớp 5	8	1
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị máy tính, máy soi		Số thiết bị/lớp



1	Ti vi	26	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	16	
5	Âm ly	2	
6	Đàn	2	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		4		0.12 m ² / hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	x	x	x	x	x

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Lưu kiểm, ngày 15 tháng 9 năm 2023



TRƯỜNG ĐƠN VỊ

TIỂU HỌC
LƯU KIỂM

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mai Dung



Biểu mẫu 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯU KIỂM

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục tiểu học đầu năm**

Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước theo NĐ 116 và (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	67	61	6		4	55	3	1	5	
I	Giáo viên	56	56	0		2	51	3			
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	9	9				9				
1	Mĩ thuật	2	2				2				
2	Thể dục										
3	Âm nhạc	2	2				2				
4	Tiếng nước ngoài	4	4				4				
5	Tin học										
6	TPT	1	1				1				
II	Cán bộ quản lý	4	4			2	2				
1	Hiệu trưởng	1	1								
2	Phó hiệu trưởng	3	3			1	2				



III	Nhân viên	7	1	5			1		1	5	
1	Nhân viên văn thư										
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Thủ quỹ										
5	Nhân viên thư viện										
6	Nhân viên bảo vệ	5		5						5	
7	Nhân viên #	1		1					1		

Lưu Kiểm, ngày 15 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Mai Dung



Lưu Kiểm, ngày 31 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH
Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II
Giai đoạn 2020 - 2025

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; tạo môi trường an toàn, thân thiện, cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; hoàn thành mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Thủy Nguyên lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025.

Tranh thủ các nguồn lực cho giáo dục, tạo điều kiện cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục của các cơ sở giáo dục theo từng giai đoạn để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của cơ sở giáo dục.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng trường đạt CQG đảm bảo triển khai theo đúng lộ trình; xây dựng các giải pháp đồng bộ thực hiện tốt các tiêu chuẩn theo quy định của bậc học.

Thực hiện kế hoạch theo đúng lộ trình, tăng cường công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo tạo điều kiện đầu tư xây dựng về CSVC, trang thiết bị dạy học đảm bảo đạt các tiêu chí trường chuẩn quốc gia. Thiết lập hồ sơ đề nghị công nhận trường chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.

Công tác KĐCLGD được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục; được thực hiện một cách độc lập, khách quan, đúng pháp luật, bảo đảm

trung thực, công khai, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tiễn và gắn với việc nâng cao chất lượng giáo dục tại nhà trường.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia (nếu có)

- Thời gian nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: Năm 2003
- Mức độ được công nhận: Mức độ 1.
- Thời gian hết hiệu lực: 2013

2. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

2.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

2.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1,2,3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		x	x		
Tiêu chí 1.2		x	x		
Tiêu chí 1.3		x	x		
Tiêu chí 1.4		x	x		
Tiêu chí 1.5		x			Mục c
Tiêu chí 1.6		x	x		
Tiêu chí 1.7		x	x		
Tiêu chí 1.8		x	x		
Tiêu chí 1.9		x	x		
Tiêu chí 1.10		x	x		
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x		
Tiêu chí 2.2		x	x		
Tiêu chí 2.3		x	x		

Tiêu chí 2.4		x	x		
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		x			
Tiêu chí 3.2		x			
Tiêu chí 3.3		x			
Tiêu chí 3.4		x			
Tiêu chí 3.5		x			
Tiêu chí 3.6		x			
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x		
Tiêu chí 4.2		x	x		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x		
Tiêu chí 5.2		x	x		
Tiêu chí 5.3		x	x		
Tiêu chí 5.4		x	x		
Tiêu chí 5.5		x	x		

2.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 1	x		
Tiêu chuẩn 2	x		
Tiêu chuẩn 3	x		
Tiêu chuẩn 4	x		
Tiêu chuẩn 5	x		

* **Kết luận:** Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1

* **Đánh giá theo Chuẩn quốc gia:** Trường đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ 1

3. Đánh giá chung

3.1. Điểm mạnh

- Đội ngũ CBGV, NV có tay nghề vững vàng, tâm huyết, tận tụy, trách nhiệm.
- Địa phương quan tâm xây dựng quỹ khuyến học toàn dân nên khích lệ được phong trào hiếu học và sự quan tâm của CMHS.
- Trường đảm bảo môi trường giáo dục thân thiện, ứng xử văn hóa.

3.2. Hạn chế

- Cơ sở vật chất nhà trường xây dựng lâu năm đã xuống cấp, trường có 03 điểm trường.
- Để đảm bảo đủ phòng học, nhà trường phải đi mượn phòng để học nhờ nên rất khó khăn khi tổ chức các hoạt động tập trung cả trường và phải di chuyển về khu chính để học môn Tin học rất vất vả.
- Các công trình khối phòng phụ trợ; nhà đa năng; khối phòng hỗ trợ học tập chưa được đầu tư xây dựng đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu.

Một số tiêu chí đã đạt được ở thời điểm hiện tại nhưng kết quả chưa bền vững, đặc biệt các tiêu chí cơ sở vật chất chưa đáp ứng được theo Thông tư 13 và Thông tư 14 về diện tích các phòng học, các phòng học và sân trường đã xuống cấp.

3.3.. Nguyên nhân của hạn chế

Cơ sở vật chất xây dựng lâu năm đã xuống cấp và không đáp ứng được các yêu cầu mới của Chương trình GDPT 2018 vì diện tích phòng học chật hẹp.

Do chờ quy hoạch nên chưa kịp thời xây dựng được trường mới để đảm bảo học sinh được học về 01 điểm trường và đầy đủ phòng học, phòng chức năng theo yêu cầu.

Một số giáo viên chuyên biệt còn thiếu như: Giáo viên Tin học; GDTC.

Nhân viên thiếu nên GV phải kiêm nhiệm.

III. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

1. Mục tiêu cụ thể

Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, khắc phục những tồn tại, hạn chế; nâng cao chất lượng các tiêu chí về Kiểm định chất lượng theo từng năm, phấn đấu trường hoàn thành các tiêu chí đạt chuẩn theo quy định của Bộ giáo dục về

Kiểm định chất lượng, tiêu chí chuẩn CSVC. Đề nghị công nhận Kiểm định chất lượng cấp độ 2 và mức độ 2 về Chuẩn quốc gia vào năm 2025.

2. Kế hoạch

2.1. Năm học 2021 - 2022

Chi bộ - Ban giám hiệu đã chỉ đạo Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh năm học 2021 - 2022, trong đó chú ý nhất là công tác nhân sự để Đại hội bầu ra được Ban chấp hành đủ năng lực, nhiệt huyết; bồi dưỡng cán bộ đoàn để tổ chức Đoàn hoạt động hiệu quả hơn.

Kiên toàn các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường: BDDCMHS, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng....

Rà soát bổ sung nhân sự giới thiệu nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2025 - 2030; 2026 - 2031.

Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện cho 04 đ/c (02 cán bộ quản lí, 02 GV) tham gia học lớp cao học trình độ Thạc sĩ..

Duy trì hoạt động có hiệu quả và tiếp tục thành lập các câu lạc bộ sở thích trong nhà trường.

Nhà trường có kế hoạch mua sắm bổ sung CSVC, các thiết bị hỗ trợ học tập theo quy định.

Trồng thêm cây xanh cho khuôn viên nhà trường và tăng cường hơn nữa công tác chăm sóc bồn hoa cây cảnh; tích cực vận động tài trợ để đảm bảo việc cải tạo, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy học.

Lập tờ trình UBND huyện, UBND xã để có kế hoạch xây dựng trường về 01 điểm trường và sửa chữa cải tạo các phòng học, hệ thống cửa dãy nhà hiệu bộ và sân trường, tường bao.

2.2. Năm học 2022 - 2023

Tiếp tục tham mưu đề xuất với UBND huyện, Phòng giáo dục và đào tạo, bổ sung thêm số lượng giáo viên, nhân viên còn thiếu cho nhà trường đúng theo Điều lệ trường Tiểu học.

Tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ trên chuẩn.

Rà soát các tiêu chí chuẩn theo Thông tư 13; 14 của Bộ giáo dục và Đào tạo về quy định chuẩn CSVC. Tích cực tham mưu, đề xuất các biện pháp với các

cấp để cấp nguồn kinh phí đầu tư cải tạo các công trình, hạng mục còn thiếu để dần hoàn thiện các tiêu chí trường chuẩn vào năm 2025 theo kế hoạch của UBND huyện và Phòng Giáo dục & Đào tạo.

Tiếp tục mua sắm bổ sung, sửa chữa các trang thiết bị phục vụ học tập đảm bảo các tiêu chí phòng học chuẩn.

Trồng và chăm sóc cây bóng mát, bồn hoa cây cảnh tạo môi trường xanh, sạch, đẹp tạo cho học sinh môi trường học tập an toàn, thân thiện.

Lập tờ trình UBND huyện, UBND xã để có kế hoạch xây dựng trường về 01 điểm trường và sửa chữa cải tạo các phòng học, hệ thống cửa dẫy nhà hiệu bộ và sân trường, tường bao.

2.3. Năm học 2023 - 2024

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia theo kế hoạch.

Đảm bảo đủ số lượng cán bộ, giáo, nhân viên theo quy định (1,5,GV/lớp)

Tham mưu đề xuất xây dựng các công trình, hạng mục cần có trong bộ tiêu chí đánh giá và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.

Lập kế hoạch báo cáo, đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Thủy Nguyên, các cơ quan quản lý cấp trên và kêu gọi đầu tư nguồn kinh phí để xây dựng các công trình hạng mục để đạt các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia.

Xây dựng hệ thống khuôn viên nhà trường và tăng cường trồng bổ sung cây bóng mát và chăm sóc bồn hoa cây cảnh; tích cực vận động tài trợ để đảm bảo việc cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ dạy học.

Hoàn thiện hồ sơ Kiểm định chất lượng và CSVC đề nghị công nhận Chuẩn quốc gia mức độ 2.

2.4. Năm học 2024 - 2025

Rà soát các tiêu chí đạt chuẩn hiện có đến tại thời điểm, bổ sung các tiêu chí còn thiếu theo tư vấn của cấp trên và lập hồ sơ đề nghị công nhận trường đạt Chuẩn Quốc gia.

*** Mục tiêu**

Hoàn thành các tiêu chí của trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Được công nhận trường đạt chuẩn mức độ 2 vào đầu năm học 2025 - 2026.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về công tác chỉ đạo, tuyên truyền

1.1. Công tác chỉ đạo

Chi bộ xây dựng Nghị quyết chỉ đạo thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường Chuẩn quốc gia đối với lãnh đạo nhà trường. Hàng năm đưa công tác kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ chính trị này gắn liền với trách nhiệm của người đứng đầu, lãnh đạo đơn vị.

Hội đồng trường xây dựng các quyết sách về thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường Chuẩn quốc gia, giám sát việc thực hiện của Ban giám hiệu.

1.2. Công tác tuyên truyền

1.2.1. Tiếp tục quán triệt đầy đủ thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh; công khai kết quả đánh giá hiện tại và kế hoạch xây dựng trong những năm tới theo lộ trình kế hoạch.

1.2.2. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh biết được làm công tác Kiểm định chất lượng giáo dục là để nâng cao chất lượng giáo dục và đây là nhiệm vụ của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh.

1.2.3. Làm tốt công tác xã hội hóa để huy động được nhiều hơn nguồn nhân lực, vật lực trong việc thực hiện nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí về Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường Chuẩn quốc gia.

2. Giải pháp cụ thể triển khai thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn

2.1. Tiêu chuẩn 1:

***Tiêu chí 1.1:** Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Từ năm học 2021 - 2022, Chi bộ nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho cá nhân, tổ chức thực hiện các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng,

chiến lược tầm nhìn và phát triển nhà trường. Phổ biến sâu rộng Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đến toàn thể học sinh và CMHS để nhận được nhiều hơn ý kiến đóng góp trong quá trình rà soát bổ sung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

*** Tiêu chí 1.2:** Hội đồng trường và các hội đồng khác.

Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn những cán bộ, giáo viên có phẩm chất chính trị vững vàng, chuyên môn nghiệp vụ giỏi, tận tụy với công việc để đưa vào danh sách các thành viên hội đồng; tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng và xem xét đưa vào các vị trí chủ chốt. Bên cạnh đó, giảm bớt kiêm nhiệm và có chính sách ưu tiên cho những thành viên trong các hội đồng để họ chuyên tâm vào công việc.

*** Tiêu chí 1.3:** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Từ năm học 2021 - 2022, tăng cường các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên đề cho các thành viên Ban chấp hành Công đoàn, Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh để hỗ trợ kỹ năng hoạt động, tăng cường sự đóng góp cho tổ chức. Nâng cao chất lượng cũng như hình thức học tập các buổi học chính trị để nâng cao lý luận chính trị của đoàn viên Công đoàn từ đó phát huy phong trào phấn đấu vào Đảng.

*** Tiêu chí 1.4:** Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Ban giám hiệu, hằng năm rà soát các hoạt động của Tổ chuyên môn để thành lập các tổ chuyên môn phù hợp, lựa chọn, giới thiệu người có năng lực, có tâm huyết đảm nhiệm vai trò tổ trưởng, tổ phó, từ đó tăng cường sự đóng góp của các Tổ chuyên môn, tổ văn phòng cũng như phát huy hết tiềm năng, thể mạnh các thành viên trong tổ.

*** 1.5. Tiêu chí 1.5:** Lớp học.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, giáo viên chủ nhiệm tăng cường tập huấn, hướng dẫn đội ngũ cán bộ lớp, cán bộ đoàn để hoạt động, quản lý lớp học tốt hơn. Tổ tư vấn học đường tăng cường giáo dục tư tưởng cho những học sinh ý thức tự giác chưa cao.

*** Tiêu chí 1.6:** Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Từ năm học 2021 - 2022, nhà trường cụ thể hoá các tiêu chí thi đua trong việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của cá nhân và tập thể. Dựa vào các văn

bản hướng dẫn, nhà trường sớm mã hóa các danh mục tài sản mới sắm để đưa vào các phần mềm quản lý tài sản có hiệu quả.

*** Tiêu chí 1.7:** Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Từ năm học 2021 - 2022, nhà trường tiếp tục động viên, tạo cơ hội cho cán bộ, giáo viên và nhân viên tiếp tục tham gia các lớp học nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ. Giao nhiệm vụ cho các tổ chuyên môn, các nhóm phụ trách câu lạc bộ sở thích (Tiếng Anh, Mỹ Thuật, Âm nhạc....) tích cực tổ chức hoạt động có hiệu quả đóng góp vào kế hoạch giáo dục toàn diện của nhà trường.

*** Tiêu chí 1.8:** Quản lý các hoạt động giáo dục.

Từ năm học 2021 - 2022, Xây dựng kế hoạch chỉ đạo, cán bộ, giáo viên và nhân viên thực hiện chương trình GDPT 2018. Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thực hiện nghiêm các Chỉ thị, Công văn chỉ đạo của ngành về thực hiện nhiệm vụ các năm học. Từng bước nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục.

*** Tiêu chí 1.9:** Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của đội ngũ giáo viên, nhân viên tích cực tham gia đóng góp ý kiến về các nội dung để xây dựng các kế hoạch, quy chế, có tính khả thi cao, tạo nên sức mạnh khối đại đoàn kết thống nhất để xây dựng và phát triển nhà trường. BCH Công đoàn tiếp tục rà soát năng lực, phẩm chất của đoàn viên để lựa chọn, giới thiệu, bổ sung, kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

*** Tiêu chí 1.10:** Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Hàng năm, nhà trường tiếp tục xây dựng các phương án, kế hoạch xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực; đưa các phong trào vào đánh giá thi đua của đoàn trường: lớp học hạnh phúc, trường học hạnh phúc... Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên liên lạc, trao đổi tình hình học tập, rèn luyện của học sinh cũng như thông báo các phương án của nhà trường một cách kịp thời.

2. Tiêu chuẩn 2

***Tiêu chí 2.1:** Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Nhà trường tiếp tục động viên, tạo điều kiện cho 02 đồng chí Phó hiệu trưởng tham gia học lớp Cao học trình độ Thạc sĩ.

*** Tiêu chí 2.2:** Đối với giáo viên.

Từ năm học 2021 - 2022, nhà trường tham mưu đề xuất với UBND huyện, PGD &ĐT điều động, tuyển dụng giáo viên để đảm bảo đủ số lượng giáo viên các môn học hoặc hợp đồng dài hạn đối với các môn học còn thiếu. Đồng thời, Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, lộ trình, động viên và tạo điều kiện thuận lợi để các giáo viên tham gia học sau đại học góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

*** Tiêu chí 2.3:** Đối với nhân viên.

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng tiếp tục rà soát nắm bắt năng lực của nhân viên để phân công phù hợp từ đó phát huy hết trí tuệ và sở trường của từng nhân viên. Xây dựng kế hoạch bố trí kiêm nhiệm vị trí nhân viên còn thiếu hoặc hợp đồng cho những vị trí này.

*** Tiêu chí 2.4:** Đối với học sinh.

Nhà trường tiếp tục rà soát lựa chọn đội tuyển học sinh năng khiếu về các môn (TĐTT; Âm nhạc; Mỹ Thuật; Tiếng Anh..) để phát hiện và bồi dưỡng các nhân tố tiềm năng đẩy mạnh thành tích mũi nhọn. Đa dạng hóa các hình thức học tập nội quy, quy định; tăng cường vai trò hoạt động Ban tư vấn tâm lý học sinh để giáo dục và giúp đỡ học sinh chậm tiến.

Đoàn trường, Tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức tốt các hoạt động bồi dưỡng học sinh qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ, hoạt động trải nghiệm để góp phần phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh đảm bảo theo chương trình GDPT 2018.

3. Tiêu chuẩn 3:

*** Tiêu chí 3.1:** Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.

Làm tốt công tác tham mưu, đề xuất với các cấp chính quyền đầu tư xây dựng các công trình, hạng mục đạt chuẩn theo các tiêu chí tại Thông tư 13; TT 14 của Bộ Giáo dục và đào tạo.

Tham mưu đề xuất cấp nguồn tài chính để nâng cấp sân chơi bãi tập, trồng thêm cây xanh cho khuôn viên nhà trường .

*** Tiêu chí 3.2:** Phòng học

Tiếp tục tham mưu với các cơ quan, ban ngành có thẩm quyền để thực hiện dự án xây dựng nhà đa năng và phòng học bộ môn. Xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung CSVC để toàn bộ phòng học trang bị đồng bộ về thiết bị cũng như

CSVC hỗ trợ học tập hiện đại.

* **Tiêu chí 3.3:** Khối phòng học phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị.

Tham mưu, đề xuất cấp nguồn kinh phí để mua sắm trang thiết bị trang bị khối hành chính - quản trị, khối phụ trợ học tập..

* **Tiêu chí 3.4:** Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Nhà trường tiếp tục hợp đồng và quán triệt với nhân viên phụ trách công trình vệ sinh để đảm bảo vệ sinh môi trường. Rà soát việc thực hiện kế hoạch thu gom, xử lý và phân loại rác để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho những năm học tiếp theo;

Tiếp tục hợp đồng với công ty cấp nước đảm bảo nguồn nước đạt chuẩn theo kiểm định của thành phố.

* **Tiêu chí 3.5:** Thiết bị.

Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị, đồ dùng học tập đầy đủ đảm bảo theo quy định. Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, quản lý, khai thác, sử dụng tốt đồ dùng dạy học đạt hiệu quả.

Ban cơ sở vật chất tư vấn, kiểm tra kỹ trong quá trình mua sắm và giao nhận thiết bị để có được các thiết bị chất lượng.

* **Tiêu chí 3.6:** Thư viện.

Hàng năm, thư viện tiếp tục bổ sung kịp thời nguồn tài liệu mới góp phần cải tiến chất lượng dạy học trong nhà trường.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào phát triển văn hóa đọc “Mỗi tuần một cuốn sách”. Đưa vào thời khóa biểu 1 tiết/tuần/lớp để tạo thói quen và xây dựng văn hóa đọc cho học sinh.

4. Tiêu chuẩn 4

* **Tiêu chí 4.1:** Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện CMHS tiếp tục phối hợp chặt chẽ với nhà trường để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Giáo viên chủ nhiệm tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS các lớp để trao đổi và áp dụng nhiều hình thức trong việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và học tập ở nhà. Từ đó, các em thực hiện tốt nhiệm vụ học sinh. Tại Hội nghị CMHS đầu năm, CMHS các lớp tìm hiểu để giới thiệu những người có năng lực, tâm huyết bầu vào Ban đại diện CMHS nhà trường.

* **Tiêu chí 4.2:** Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả trong công tác tham mưu thực hiện theo lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia và trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Tích cực vận động các nguồn tài trợ hàng năm để đảm bảo việc tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy học.

5. Tiêu chuẩn 5

* **Tiêu chí 5.1:** Kế hoạch giáo dục nhà trường

Từ năm học 2021 - 2022, nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn bám sát kế hoạch giáo dục của nhà trường và các Công văn, hướng dẫn của ngành để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh và thực tiễn của nhà trường; qua dự giờ, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra toàn diện, chia sẻ, góp ý giúp giáo viên tiến bộ hơn trong việc vận dụng các phương pháp dạy học, ứng dụng chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng dạy học tại đơn vị.

Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018 theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

* **Tiêu chí 5.2:** Thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học

Thực hiện đúng Chương trình, kế hoạch giáo dục, lựa chọn các phương pháp hình thức tổ chức dạy học phù hợp, hiệu quả.

Hàng năm, nhà trường tiếp tục rà soát, đánh giá xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động giáo dục học sinh phù hợp, hiệu quả. Đặc biệt đối với những học sinh tiếp thu chậm, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Giáo viên bộ môn, giáo viên phụ trách các câu lạc bộ sở thích, câu lạc bộ môn học, tích cực bồi dưỡng, rèn luyện phát hiện học sinh có năng khiếu đảm bảo về số lượng và chất lượng khi tham gia các cuộc thi, các kỳ giao lưu.

* **Tiêu chí 5.3:** Thực hiện các hoạt động GD khác:

1. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Hàng năm, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch giáo dục địa phương phù hợp mục tiêu môn học, gắn kiến thức với thực tiễn. Thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề lồng ghép nội dung giáo dục địa phương linh hoạt trong từng tiết dạy, môn học phù hợp. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá,

định hướng giáo viên cập nhật các văn bản hướng dẫn, kiến thức mới; rà soát, điều chỉnh, bổ sung tài liệu giảng dạy nội dung giáo dục địa phương. Giáo viên tổ chức thêm nhiều đợt cho học sinh tham quan, trải nghiệm, tìm hiểu các di tích lịch sử địa phương và huyện.

2. Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức cho giáo viên và học sinh tham gia các đợt trải nghiệm, học tập một số địa chỉ đỏ, di tích lịch sử ngoài địa phương để giúp các em có thêm nhiều kiến thức thực tế.

Thường xuyên tuyên truyền giúp GVCN nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của HĐHN cho học sinh; tăng cường kiểm tra giáo án và việc tổ chức HĐHN của GVCN để họ đầu tư đúng mức hơn. Tiếp tục phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức đoàn thể, gia đình và xã hội nâng cao hơn nữa chất lượng các HĐTN, HĐHN.

3. Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.

Hằng năm, nhà trường tiếp tục rà soát, đánh giá các hoạt động GDKNS để xây dựng kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các KNS phù hợp với năng lực học tập, điều kiện nhà trường và địa phương. Đa dạng hóa hình thức tổ chức các HĐTN, HĐHN; tăng cường hoạt động tiếp cận khoa học kỹ thuật; khuyến khích học sinh tham gia tích cực các hoạt động xã hội. Đoàn thanh niên phối hợp với Tổ Tư vấn tâm lý học đường tổ chức các buổi sinh hoạt đoàn để GDKNS cho những học sinh.

* Tiêu chí 5.4: Công tác Phổ cập Giáo dục tiểu học

Duy trì và giữ vững tỉ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

Đảm bảo trẻ học đúng độ tuổi đạt từ 98% đến 100%

* Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn sinh hoạt, tập trung vào nội dung nghiên cứu bài học, đổi mới phương pháp, xây dựng chủ đề để nâng cao chất lượng dạy học. Các tổ chức, đoàn thể xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục đạo đức và rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. GVCN thường xuyên bám lớp để phát hiện và uốn nắn kịp thời đối với những học sinh vi phạm; phối hợp với Tổ tư vấn học đường để giúp học sinh có những biểu hiện lệch lạc, gặp khó khăn trong học tập cũng như cuộc sống, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Giải pháp về chính sách (nguồn kinh phí)

Chi bộ, Ban giám hiệu, Ban chấp hành Công đoàn xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tập trung nguồn lực động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên có nhiều đổi mới, sáng tạo trong hoạt động quản trị nhà trường, hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; khen thưởng học sinh có thành tích cao trong mọi hoạt động học tập, trong suốt chu kỳ 5 năm.

Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế hỗ trợ cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Xây dựng chính sách thu hút các giáo viên trẻ có năng lực tuyển dụng, hợp đồng giảng dạy trong nhà trường; kêu gọi các nguồn tài trợ tài trợ các học sinh năng khiếu, các câu lạc bộ tham gia các kỳ thi, các kỳ giao lưu từ cấp huyện trở lên.

Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để kêu gọi đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nâng cao chất lượng trường Chuẩn quốc gia.

3. Giải pháp kiểm tra, giám sát

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT và UBND huyện Thủy Nguyên trong các hoạt động giáo dục của nhà trường; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

Ban chấp hành Công đoàn phối hợp với Ban thanh tra nhân dân kiểm tra giám sát của Chi bộ, Hội đồng trường trong thực hiện các Nghị quyết của Chi bộ, Quyết nghị của Hội đồng trường trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban giám hiệu về công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường Chuẩn quốc gia. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của tất cả các tổ chức, đoàn thể và cá nhân trong nhà trường.

Tăng cường giám sát của Ban đại diện CMHS trường và BDD CMHS các lớp trong việc phối hợp với nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ đã được xây dựng hàng năm; phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân trong việc kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của các tập thể, cá nhân để giải quyết kịp thời, không ảnh hưởng đến kỷ cương, nề nếp và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Không có đơn thư, khiếu nại vượt cấp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hằng năm, Ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch, thực hiện các nội chiến lược phát triển nhà trường giao đoạn 2020 - 2025. Chỉ đạo cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện có hiệu quả lộ trình Kiểm định chất lượng và trường đạt Chuẩn Quốc gia.

2. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch chi tiết cụ thể từng nội dung, từng năm để tổ chức triển khai thực hiện đúng lộ trình, đạt hiệu quả cao nhất.

3. Tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên gắn với nhiệm vụ được giao thực hiện tốt các nội dung của kế hoạch đã xây dựng.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên

Tạo điều kiện để trường Tiểu học Lưu Kiếm được xây dựng trường quy hoạch về 01 điểm trường và đảm bảo đủ phòng học, đủ phòng chức năng, các khối phòng phụ trợ, khối phòng quản trị, phòng hỗ trợ học tập, nhà đa năng, phòng học bộ môn, xây dựng và cải tạo sân chơi, bãi tập, khuôn viên cây xanh, cổng trường, hàng rào, nhà bảo vệ.....

Tham mưu UBND thành phố, Sở giáo dục duyệt kế hoạch xây dựng trường Chuẩn Quốc gia cho nhà trường.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng trường Tiểu học Lưu Kiếm đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2 khi đủ điều kiện; hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị, cá nhân thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu, đề xuất UBND huyện xây dựng trường và phê duyệt kế hoạch xây dựng trường Tiểu học Lưu Kiếm đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2025 khi đủ điều kiện.

4. Ban quản lý dự án - Phòng tài chính huyện

Tham mưu với UBND huyện sớm phê duyệt các dự án xây dựng, đầu tư về CSVC đạt chuẩn quốc gia.

Xây dựng kế hoạch, dự án tổng thể các hạng mục trong bộ tiêu chí đánh giá



chuẩn của Bộ giáo dục về Kiểm định chất lượng và trường Chuẩn Quốc gia.

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục; lập kế hoạch, quy hoạch quy hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; phê duyệt dự án tài chính trong đầu tư trang thiết bị dạy học, chế độ chính sách cho trường Tiểu học Lưu Kiếm./.

5. Ủy ban nhân dân xã Lưu Kiếm

Tham mưu, đề xuất với UBND huyện về các dự án, kế hoạch xây dựng trường Tiểu học Lưu Kiếm đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2025.

Tham mưu đề xuất việc xây dựng, quy hoạch các công trình phụ trợ, khối phòng hành chính, khối phòng hỗ trợ học tập... cho nhà trường để đạt các tiêu chí trường Chuẩn Quốc gia.

Thực hiện lộ trình xây dựng trường Tiểu học Lưu Kiếm đạt Chuẩn theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, Hội đồng nhân dân xã đã được thông qua./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Hải Phòng;
- UBND - Phòng TC-BQLDA huyện;
- Phòng GDĐT TN;
- UBND xã Lưu Kiếm;
- Website trường;
- Lưu VT.



Nguyễn Thị Mai Dung

Lưu Kiểm, ngày 15 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
Về việc thực hiện công khai đầu năm học 2023- 2024

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-THLK ngày 06/9/2023 của trường Tiểu học Lưu Kiểm về việc công khai các nội dung theo quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT;

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 15/9/2023 tại trường Tiểu học Lưu Kiểm, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện lãnh đạo

- Bà: Nguyễn Thị Mai Dung - Hiệu trưởng.

2. Đại diện công đoàn

- Bà Phạm Thị Hồng Nhung- Chủ tịch Công đoàn.

3. Đại diện bộ phận tài chính

- Bà Phạm Thị Thu Trang- Kế toán.

4. Đại diện bộ phận thanh tra

- Bà Cù Thị Yến - Trưởng ban thanh tra nhân dân

Xác nhận việc thực hiện niêm yết công khai các nội dung theo quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

4.1. Nội dung niêm yết công khai:

- Cam kết chất lượng giáo dục (Mẫu 05).
- Công khai CSVC (Mẫu 07).
- Công khai về đội ngũ (Mẫu 08).
- Công khai các khoản thu đầu năm.
- Công khai kế hoạch xây dựng trường chuẩn Quốc gia.

4.2. Hình Thức công khai

- Công khai trên website của nhà trường;
- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường;
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị, họp ban đại diện CMHS.

4.3. Thời gian niêm yết công khai

- Thực hiện niêm yết công khai trong thời gian 30 ngày, bắt đầu tính từ 16h ngày 15/9/2023.

- Biên bản này đã được xác nhận và thống nhất thông qua bởi tất cả các thành viên tham dự.

- Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản lưu tại văn thư, 01 bản lưu tại bộ phận kế toán, 01 bản được niêm yết tại bảng tin của trường./.

CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA

Đại diện Công đoàn trường



Phạm Thị Hồng Nhung



Nguyễn Thị Mai Dung

Đại diện bộ phận kế toán

Phạm Thị Thu Trang

Đại diện bộ phận thanh tra

Cù Thị Yến